

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-PT

Ngày: 22/3/2021

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thành Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;

Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký Tòa án: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huế - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 10 năm 2020 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-PT ngày 30/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-PT ngày 14/01/2021, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 29/01/2021, Thông báo về việc mở lại lịch phiên tòa số 01/2021/TB-TA giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn An Lâu, xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Ông Đinh Ngọc P – Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Đức Phúc. *Có mặt.*

- *Người bị kiện:* + Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M

+ Chủ tịch UBND xã Q, huyện M

Địa chỉ: Xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/10/2018, bà Nguyễn Thị T tiến hành xây dựng, sửa chữa lại ngôi nhà cũ trên nền móng năm 2011 tại thửa đất cạnh đường 393. Thửa đất được mua theo quyết định số 119/QĐ/ĐĐ ngày 15/11/1990 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ninh Thanh. Khi bà T tiến hành sửa chữa lại ngôi nhà cũ, UBND xã Q đã thực hiện việc cưỡng chế trái pháp luật, xây dựng một lán tôn trái pháp luật trên móng nhà, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tuyên bố 03 hành vi của UBND xã Q, huyện M thực hiện ngày 09/10/2018 đối với gia đình bà Nguyễn Thị T tại thửa đất bà đang ở trước công trạm y tế xã Q bao gồm: Hành vi cưỡng chế không cho xây dựng nhà; Hành vi xây dựng lán tôn trên nền đất đã cưỡng chế; Hành vi đe dọa cắt điện, làm hỏng đường ống dẫn nước; đe dọa không cho ở; tuyên truyền sai sự thật về nguồn gốc thửa đất là trái pháp luật. Buộc UBND xã Q phải tháo dỡ lán tôn đã xây dựng, khôi phục đường ống nước sạch, chấm dứt việc đe dọa cắt điện, đe dọa đuổi gia đình bà ra khỏi nơi ở, chấm dứt việc tuyên truyền sai sự thật về nguồn gốc thửa đất gia đình bà đang ở trước công trạm y tế xã.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T đã bổ sung 06 yêu cầu khởi kiện gồm:

Yêu cầu bổ sung thứ nhất: Hành vi báo cáo sai sự thật về nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng, tính hợp pháp đối với thửa đất (trước công trạm y tế xã Q) bà đã ở từ năm 1989 và sửa chữa ngày 09/10/2018 (sau đây gọi là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 24 đo vẽ năm 2011).

Yêu cầu bổ sung thứ hai: Xác định UBND xã Q có hành vi lập không và giả mạo chữ ký trong các tài liệu gồm: 02 tờ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị D ngày 07/12/1992 và Đơn ghi tên bà T xin cắt đất kinh doanh ngày 08/5/1988; đơn ghi tên bà T mượn đất bán hàng ngày 05/11/1989 của UBND xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Yêu cầu bổ sung thứ ba: UBND xã Q không bàn giao thửa đất của bà T mua theo Quyết định 153/QĐ-ĐĐ ngày 23/02/1990 của UBND tỉnh Hải Hưng và Quyết định 119 ngày 15/11/1990 của UBND huyện Ninh Thanh. Nói cách khác là bàn giao thửa đất mua theo quyết định 119 không đúng vị trí.

Yêu cầu bổ sung thứ tư: Xác định UBND xã Q có hành vi lập không hồ sơ, giả mạo chữ ký trình UBND huyện Thanh Miện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0030072 (sổ sổ cấp Giấy CNQSDĐ:1646/QSDĐ ngày

15/02/1996 mang tên Nguyễn Thị T trong làng An Lâu xã Q nguồn gốc đất là của ông cha. Vì bà T chưa lần nào làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất này.

Yêu cầu bổ sung thứ năm: Hành vi lập không hồ sơ trình UBND huyện Thanh Miện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của của bà T ghi trong Quyết định 153 và 119 cấp cho vợ chồng anh Nguyễn Bá T1, Nguyễn Thị T2.

Yêu cầu bổ sung thứ sáu: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy biên bản xử lý vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 09/10/2018 của UBND xã Q: Căn cứ thể hiện trong 02 văn bản trên đều cho rằng bà T có hành vi trái phép là chuyển đất phi nông nghiệp thành đất ở nhưng thực chất theo biên bản xác định mốc giới, ranh giới thửa đất năm 2003 và trích lục bản đồ năm 2019, tại thửa số 07, tờ bản đồ số 24 thể hiện đó là đất ở nông thôn.

Phía người khởi kiện cho rằng thửa đất trước công trạm y tế xã Q có nguồn gốc là do bà được mua của UBND huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) theo quyết định số 119/QĐ-ĐĐ ngày 15/11/1990 với diện tích thửa đất thể hiện trong quyết định là 140 m², thửa số 67, tờ bản đồ số 04. Năm 1990, ông N là cán bộ địa chính đã giao đất này cho bà. Ngày 15/12/1996, UBND huyện Thanh Miện đã cấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0030072, số vào sổ cấp 1646/QĐSDĐ. Bà T mới được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cấp cho bà không phải là cấp cho thửa đất bà được mua theo quyết định 119/QĐ-ĐĐ ngày 15/11/1990 mà là cấp tại thửa đất ông cha trong làng An Lâu, xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương (tức là cấp nhầm thửa đất). Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà sai vị trí nhưng bà đã ở ổn định, lâu dài 29 năm, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ như trích lục bản đồ ngày 05/8/2019 của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất do UBND xã Q lập ngày 05/7/2003 thể hiện tại thửa số 07, tờ bản đồ số 04, loại đất ở nông thôn trước công trạm y tế xã Q, Gia đình bà đã đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Giả thiết nếu như bà T có hành vi vi phạm hành chính về xây dựng thì hành vi của UBND xã Q ngày 09/10/2018 cũng là trái pháp luật vì đã không thực hiện đúng về "Trình tự thủ tục về xử lý vi phạm hành chính" và "trình tự thủ tục về cưỡng chế hành chính" quy định tại Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và các

văn bản có liên quan. Khi thực hiện hành vi cưỡng chế không đúng với trình tự thủ tục mà pháp luật quy định, không lập biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế. Các văn bản này cũng không được gửi đến cho gia đình bà Nguyễn Thị T.

Người bị kiện là UBND xã Q và chủ tịch UBND xã Q đều trình bày: UBND xã, chủ tịch UBND xã Q không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, vì bà Nguyễn Thị T không có quyền quản lý, sử dụng thửa đất trước công trạm y tế xã Q. Diện tích bà T đang sử dụng xuất phát từ việc ngày 05/11/1989 bà T có đơn đề nghị UBND xã Q có nội dung "Tôi đề nghị mượn các ông khối ruộng đất cho tôi mượn vài miếng đất ở công trạm y tế xã khu vực thùng vôi để tôi bán nhờ ở đó để nâng cao đời sống gia đình", phù hợp với chủ trương của UBND xã lúc bấy giờ cho các hộ dân mượn đất bán hàng trên trục đường 393 để làm đẹp cảnh quan địa phương và bà T đã được mượn mảnh đất trước công trạm y tế xã như hiện nay. Diện tích đất này nằm hoàn toàn trong hành lang giao thông với chỉ giới đường bộ là 22,5 m và phần đất thuộc trạm y tế xã Q. Diện tích đất này UBND xã Q có nhiệm vụ quản lý nhưng không có quyền bán, chuyển nhượng cho bất cứ ai. Do bà T sử dụng đất thuộc địa giới đất hàng lang giao thông nên Hạt đường bộ, UBND xã Q, chủ tịch UBND xã Q qua các thời kỳ từ năm 1992 đã nhiều lần yêu cầu bà T di dời để trả lại đất và cưỡng chế, tuy nhiên, bà T không thực hiện nên không cưỡng chế được. Năm 2011, bà T xây dựng nhà UBND xã Q, chủ tịch UBND xã Q đã ra thông báo số 05 yêu cầu bà T dừng việc xây dựng. Không đồng ý với thông báo, bà T đã khởi kiện thông báo số 05 và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã xét xử và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Bản án đã có hiệu lực pháp luật khẳng định rõ bà T không có quyền sử dụng, quản lý thửa đất trước công trạm y tế xã Q. Theo giấy chứng nhận số D 0030072 vào sổ cấp giấy số 1646 mang tên Nguyễn Thị T là ở trong làng An Lâu, xã Q thuộc đất thổ cư của bố mẹ bà.

UBND xã Q không thực hiện việc cưỡng chế xây dựng của hộ bà Nguyễn Thị T mà chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả, khôi phục tình trạng ban đầu hành vi xây dựng nhà trái phép của bà T ngày 09/10/2018. Vì trước đó tự gia đình bà T đã tháo dỡ khu nhà phía sau (là quán bán hàng bấy giờ) tập kết vật liệu để xây dựng nhà kiên cố, di dời toàn bộ tài sản của gia đình bà ra chỗ khác. UBND xã Q, chủ tịch UBND xã Q đã giao cho phó chủ tịch xã cùng các ban ngành Mặt trận tổ quốc xã trực tiếp đến nhà bà T tuyên truyền, nhắc nhở, vận động gia đình bà T dừng việc xây dựng. Tuy nhiên, bà T cố ý không hợp tác và có hành động thách thức, chửi bới chính quyền. UBND xã đã

tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, ngăn không cho máy xúc, con cháu bà T đào móng đồng thời tiến hành dựng tạm một lán có cột bằng tuýp sắt và bắn mái tạm, không san nền (nói là lán xe) nhưng mục đích để ngăn chặn không cho bà T đào móng xây dựng vào phần đất hành lang giao thông này, sau đó gia đình bà T tiếp tục chống đối quyết liệt. Chủ tịch UBND xã Q đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt bà T 2.000.000đ, đến nay bà T vẫn chưa chấp hành xử phạt. Việc lập biên bản vi phạm, xây dựng lán và ra quyết định xử phạt diễn ra nhanh chóng dường như đồng thời tiến hành trong ngày 09/10/2018, vì trước sự phản ứng quyết liệt của gia đình bà T nếu không nhanh chóng gia đình bà T sẽ xây dựng, đổ móng nhà kiên cố sau này việc xử lý sẽ rất khó khăn và phức tạp. Nhận thấy việc xây dựng lán trên đất hành lang giao thông là không đúng nên ngày 25/6/2020, UBND xã Q đã tự nguyện tháo dỡ toàn bộ phần lán bắn tôn ra khỏi chỉ giới hành lang giao thông trả lại mặt bằng trước công trạm y tế xã.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc UBND xã Q có hành vi đe dọa cắt điện, nước và khi cưỡng chế đã phá hủy đường ống dẫn nước của gia đình bà. Ngày 10/10/2018, UBND xã Q chỉ đạo hợp tác xã dịch vụ điện với vai trò chức năng của mình ra 02 thông báo cho hộ bà Nguyễn Thị T về việc ngừng cung cấp điện. Bà T sau khi nghe thông báo trên đã viết giấy cam kết với Hợp tác xã dịch vụ điện cho phép bà được ký hợp đồng mua bán điện trong 12 tháng nếu không có quyền sử dụng đất tại thửa đất trước công trạm y tế xã Q sẽ tự nguyện di chuyển, đi chỗ mới. Sau khi bà T viết cam kết xong thì UBND xã không thực hiện việc cắt điện cho đến nay. UBND xã xác định không chỉ đạo cắt nước hộ nhà bà T. Bên cạnh đó, bà T có quan điểm là khi thực hiện việc cưỡng chế đã làm hỏng đường ống dẫn nước là không đúng vì gia đình bà T tự thuê máy xúc để xúc đất làm móng, thực hiện xây dựng; UBND xã chỉ đến ngăn chặn việc xây dựng nên không có căn cứ nói UBND xã làm hỏng đường ống dẫn nước.

Đối với các yêu cầu khởi kiện bổ sung: Yêu cầu khởi kiện cho rằng hành vi báo cáo sai sự thật về nguồn gốc sử dụng, hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng, tính hợp pháp đối với thửa đất bà T trước công trạm y tế xã Q (thửa số 07, tờ bản đồ số 24 đo vẽ năm 2011). Theo hồ sơ địa chính bản đồ 299, bản đồ 1996 đều thể hiện toàn bộ thửa đất nơi bà T đang bán quán là của trạm y tế xã Q giáp đường giao thông, không thể hiện đất của bà T trên đó. Năm 2003, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trạm y tế xã Q về nguyên tắc cấp giấy cho tổ chức cũng phải thể hiện thực tế sử dụng đất của các hộ, cơ quan tổ chức giáp ranh nên biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất ngày 05/7/2003

có thể hiện diện tích đất gia đình bà T đang sử dụng đất trước công trạm y tế xã với chiều dài 6,1m và chiều rộng 9.6m. Đây là hiện trạng sử dụng để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận cho trạm y tế xã không phải là căn cứ cấp giấy cho hộ bà T. Thực tế đất bà T đang ở nằm trong hành lang giao thông, đất của trạm y tế xã do UBND xã quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Xác định UBND xã Q có hành vi lập không, giả mạo chữ ký 02 tờ giấy xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị D, đơn xin cắt đất kinh doanh ngày 08/5/1988 và đơn xin mượn đất bán quán ngày 05/11/1989. Toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đã có trong hồ sơ địa chính. Hơn nữa sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, bà T nhận giấy chứng nhận và không có ý kiến gì.

Yêu cầu khởi kiện bổ sung: Bà T cho rằng UBND xã không bàn giao thửa đất được mua "Theo quyết định 153/QĐ-ĐĐ ngày 23/02/1990 của UBND tỉnh Hải Hưng và quyết định 119 ngày 15/11/1990 của UBND huyện Ninh Thanh". Tại thời điểm đó, UBND xã giao đất cho các hộ dân không có biên bản giao nhận, thực tế bà T đã nhận đất và vị trí đất bà T đã nhận tại khu bách hóa An Lâu, hiện nay thửa đất này bà T đã bán cho anh T1 và chị T2. Vị trí đất này cách trường Trung học cơ sở Hồng Quang khoảng 85 m không phải ở trạm y tế xã Q. Do vậy UBND xã Q, chủ tịch UBND xã Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: Xác định UBND xã Q lập không hồ sơ trình UBND huyện Thanh Miện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D 0030072 vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 1646 ngày 15/02/1996 và cấp đất cho anh Nguyễn Bá T1, Nguyễn Thị T2. Người bị kiện xác định việc cấp đất cho anh Toàn, chị Thuận có đầy đủ căn cứ lưu trong hồ sơ địa chính, việc cấp giấy là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy Biên bản xử lý vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 09/10/2018: Chủ tịch UBND xã Q khẳng định diện tích đất mà bà T sử dụng là đất hàng lang giao thông, đất do UBND xã quản lý (đất phi nông nghiệp) được thể hiện tại các bản đồ 299, 1996. Trong biên bản xác định ranh giới đất do UBND xã và Phòng địa chính huyện lập ngày 05/7/2003 không thể hiện đo là loại đất gì, trích lục bản đồ do bà T giao nộp cũng không thể hiện thửa đất đó là của ai. Người bị kiện đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính vì có căn cứ sau khi ban hành quyết định đã thông báo, giao cho bà T ngày 09/10/2018 nhưng bà T không nhận và đã lập biên bản phù hợp với Điều 70 luật xử lý vi phạm hành

chính.

Ông Nguyễn Ngọc N2, nguyên chủ tịch UBND xã Q từ tháng 02 năm 1989 đến hết năm 1989 đã xác nhận trong khoảng thời gian ông làm chủ tịch xã, bà Nguyễn Thị T có đơn xin mượn một miếng đất trước cổng trạm y tế xã Q để bán hàng, với tư cách là chủ tịch UBND xã cùng với việc thực hiện chủ trương tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế ông đã xác nhận vào đơn của bà T. Sau đó, bà Nguyễn Thị T và mẹ đẻ (bà D) đã ra đó ở và bán quán cho đến nay. Ông xác định năm 1989 UBND xã chỉ cho mượn đất bán hàng và không có quyền chuyển nhượng, bán cho bà T vì diện tích đất này thuộc hành lang giao thông trước trạm y tế xã.

Ông Nguyễn Tiến C, ông Nguyễn Tiến A nguyên chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã Q từ năm 1990 đến năm 1992 đều xác định trong khoảng thời gian làm chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã Q thì UBND xã Q đã thực hiện Quyết định số 153 năm 1989 của chủ tịch UBND huyện Ninh Thanh về việc cấp đất, giãn dân. Ông Nguyễn Hồng Ngát là địa chính xã đã trực tiếp giao đất cho các hộ dân theo quyết định, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T tại thửa số 87 diện tích là 140 m² thuộc khu bách hóa cũ thôn An Lâu. Bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nhận đất, sau đó chuyển nhượng cho ai thì UBND xã không nắm được. Việc bà T khai là UBND xã Q chuyển đổi đất cho bà từ vị trí này sang trước cổng trạm y tế xã Q là không đúng. Diện tích đất bà T đang ở bán quán trước cổng trạm y tế xã Q không phải đất do UBND xã giao mà do bà mượn bán hàng nằm trong đất hành lang giao thông và đất do UBND xã quản lý. Vào các ngày 15/8 và 28/8/1992 UBND xã đã nhiều lần thực hiện việc giải tỏa để trả lại đất hành lang giao thông nhưng hộ bà T cố tình không thực hiện nên không giải tỏa thành công (ông C nộp cho Tòa án các trang sổ nghị quyết năm 1992 ông lưu giữ trong đó có ghi rõ việc UBND xã giao cho cán bộ chuyên môn giải tỏa quán bà T và mẹ đẻ là bà D).

Ông Nguyễn Văn D nguyên chủ tịch UBND xã Q từ năm 1993 đến năm 2000 và bà Nguyễn Thị L làm chủ tịch UBND xã Q từ năm 2000 đến tháng 06 năm 2011 đều xác định chưa bao giờ giao đất cho bà T tại cổng trạm y tế xã Q. Bà Lan xác định về biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất ngày 05/7/2003 là do thời điểm đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trạm y tế xã Q nên UBND xã kết hợp với phòng địa chính huyện tiến hành đo đạc hiện trạng sử dụng để các hộ đang sử dụng đất giáp ranh làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trạm y tế xã Q. Trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới có thể hiện diện tích đất bà T đang ở có chiều dài là 6,1m và chiều rộng là 9,6m. Việc thể hiện này không phải là căn cứ cấp đất cho bà T mà chỉ

thể hiện hiện trạng và thực tế chỗ đất bà T đang ở trên hành lang giao thông trước cổng trạm y tế xã Q. Trong thời gian bà Lan làm chủ tịch UBND xã, chủ tịch Hội phụ nữ xã đã nhiều lần cùng ban vận động đến nhà bà T vận động đề giải tỏa quán nước của bà T nhưng do bà T hợp tác nên việc giải tỏa vẫn chưa được thực hiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

1. *Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu: Tuyên bố các hành vi cưỡng chế không cho xây dựng nhà, xây dựng lán tôn trái phép trên phần đất bà T đang ở trước cổng trạm y tế xã Q, đe dọa cắt điện, nước, phá hủy đường ống dẫn nước, thúc giục không cho ở trên phần đất trước cổng trạm y tế xã, báo cáo sai sự thật về nguồn gốc, hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng đất đối với thửa đất bà T trước cổng trạm y tế xã Q.*

2. *Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23 ngày 09/10/2018 của chủ tịch UBND xã Q do thời hiệu yêu cầu khởi kiện đã hết.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ chín (09) yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên 03 yêu cầu khởi kiện ban đầu cũng như 06 yêu cầu khởi kiện bổ sung, không đồng ý với bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Về các nội dung không đồng ý, người khởi kiện đã có văn bản trình bày đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương sau khi phân tích nội dung vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn tuân theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, việc thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ đúng theo quy định Luật Tố tụng hành chính (viết tắt Luật TTHC). Hội đồng xét xử điều hành phiên tòa đúng quy định Luật TTHC. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nghị án theo các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật TTHC. Quan điểm

về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, về án phí: Đề nghị HĐXX buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng và trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/10/2018, bà Nguyễn Thị T tiến hành xây dựng, sửa chữa lại nhà. Cùng ngày, UBND xã Q đã yêu cầu bà T dừng việc xây dựng, dựng lán tôn, Chủ tịch UBND xã Q ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 03/9/2009, bà T khởi kiện. Căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử xác định khởi kiện các hành vi hành chính của UBND xã Q còn trong thời hiệu.

Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Q. Cùng ngày 09/10/2018, UBND xã Q giao Quyết định số 23 cho bà T. Đến ngày 04/5/2020, bà T mới khởi kiện bổ sung, căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng hành chính xác định yêu cầu khởi kiện 23/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 đã hết thời hiệu, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và đình chỉ giải quyết là phù hợp pháp luật.

[1.2] Đơn kháng cáo của đương sự: Ngày 01 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử vụ án. Ngày 14/7/2020, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo. Căn cứ các Điều 204, 205, 206 Luật tổ tụng hành chính kháng cáo của bà T là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của bà T:

[2.1] Đối với các yêu cầu khởi kiện:

- Xác định UBND xã Q có hành vi lập không và giả mạo chữ ký trong các tài liệu gồm: 02 tờ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị D ngày 07/12/1992 và Đơn ghi tên bà T xin cắt đất kinh doanh ngày 08/5/1988; đơn ghi tên bà T mượn đất bán hàng ngày 05/11/1989 của UBND xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 2);**

- Xác định việc UBND xã Q không tiến hành bàn giao thửa đất của bà T được mua theo quyết định 153 của UBND tỉnh Hải Hưng và quyết định 119 của UBND huyện Ninh Thanh. **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 3);**

- Yêu cầu xác định Hành vi lập không, giả mạo giấy tờ của UBND xã Q trình UBND huyện Thanh Miện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0030072, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1646/QSDĐ ngày 15/02/1996 cho bà T. **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 4);**

- Xác định hành vi lập không hồ sơ trình UBND huyện Thanh Miện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất của bà T ghi trong quyết định 153 và 119 cấp cho hộ anh Nguyễn Bá T1 và chị Nguyễn Thị T2, đề nghị đưa anh Nguyễn Bá T1 và chị Nguyễn Thị T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 5);**

Xét thấy, các yêu cầu khởi kiện trên vượt quá phạm vi khởi kiện trong vụ án gồm yêu cầu xác định các hành vi của UBND xã Q là trái pháp luật và hủy Biên bản, Quyết định xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã Q. Các yêu cầu trên có liên quan đến trình tự thủ tục để cấp hoặc không cấp GCNQSDĐ của UBND huyện. Các yêu cầu trên không có mối quan hệ mật thiết với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hơn nữa, các yêu cầu này ở vị trí đất khác không trùng với thửa đất trước công trạm y tế xã Q. Hội đồng xét xử xác định đây là yêu cầu khởi kiện khác không liên quan đến yêu cầu ban đầu nếu có căn cứ sẽ khởi kiện bằng vụ án khác tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện không thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

[2.2] Đối với các yêu cầu khởi kiện xem xét hành vi báo cáo sai sự thật về nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng, tính hợp pháp đối với thửa đất được ghi là thửa số 07, tờ bản đồ số 24 đo vẽ năm 2011 **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 1)**. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý bổ sung mà xác định yêu cầu trên không phải là yêu cầu cụ thể mà là cơ sở để xem xét có hay không hành vi cưỡng chế của UBND xã Q đúng hay sai. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, yêu cầu tuyên bố hành vi của UBND xã về việc báo cáo sai sự thật về nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ địa chính, hiện trạng sử dụng, tính hợp pháp đối với thửa đất được ghi là thửa số 07, tờ bản đồ số 24 đo vẽ năm 2011 là hành vi có liên quan đến trình tự thủ tục để cấp hoặc không cấp GCNQSDĐ của UBND huyện, Hội đồng xét xử xác định đây là yêu cầu khởi kiện khác không liên quan đến yêu cầu ban đầu, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu có căn cứ và yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Xem xét đối với yêu cầu khởi kiện hủy Biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Chủ tịch UBND xã Q. **(Yêu cầu khởi kiện bổ sung 6);**

Xét thấy, chiều ngày 08/10/2018, phát hiện gia đình bà T có ý định tháo

dỡ quán bán nước để xây dựng nhà kiên cố, UBND xã đã đến nhắc nhở. Sáng ngày 09/10/2018, bà T tháo dỡ quán, thuê máy xúc đến đào móng. UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính. Cùng ngày, Chủ tịch UBND xã Q đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau đó, UBND xã đã thông báo giao cho bà T, tuy nhiên bà T không nhận. UBND xã Q đã cho người lập biên bản về việc bà T từ chối nhận quyết định. Ngày 04/5/2020, bà T tiến hành khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện là "01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính...". Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp pháp luật. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[2.4] Xem xét yêu cầu Hành vi cưỡng chế không cho bà T dựng nhà.

Theo bản đồ 299 được đo vẽ năm 1984 và bản đồ 1996, thửa đất hoàn toàn nằm trong diện tích đất của trạm y tế xã Q và giáp với đường 393. Căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu giữ năm 1989, bà T có đơn mượn đất để bán quán phù hợp với xác nhận của ông Nguyễn Ngọc N2 là chủ tịch UBND xã Q. Bà T cho rằng diện tích đất này bà được UBND xã Q bàn giao nhưng bà không xuất trình được giấy bàn giao đất. Hơn nữa, theo biên bản làm việc của UBND xã Q với ông Ngát; Biên bản xác minh của Tòa án với ông N2, ông Nguyễn Tiến C (chủ tịch UBND xã Q từ năm 1990 đến năm 1992) ông Nguyễn Tiến A (chủ tịch UBND xã Q từ năm 1993 đến năm 2000), bà Nguyễn Thị L (chủ tịch UBND xã Q từ năm 2000 đến tháng 06/2011); Ông Nguyễn Tiến A (phó chủ tịch UBND xã Q năm 1989) ông Nguyễn Văn D (phó chủ tịch UBND xã Q từ năm 1993 đến năm 2000)... đều xác định không giao đất cho bà Nguyễn Thị T tại vị trí trước cổng trạm y tế xã Q và đã nhiều lần thực hiện việc giải tỏa quán nước của bà T do vi phạm hành lang giao thông (đặc biệt là thời ông Nguyễn Tiến C còn làm chủ tịch xã), việc thực hiện giải tỏa quán nước của bà T (mẹ là bà D) đã được lưu trong sổ nghị quyết vào các ngày 15/8/1992 và 28/8/1992 của UBND xã Q. Việc bà T sử dụng đất đã vi phạm hành lang và công trình giao thông đường bộ. Ngày 24/9/2014, Đoàn Đường bộ Hải Dương lập biên bản vi phạm thể hiện gia đình bà T có hành vi đào móng, xây dựng lán tạm trong hành lang giao thông. Do đó, việc bà T đề nghị giám định chữ ký, chữ viết trong đơn xin mượn đất là không cần thiết.

Người khởi kiện cho rằng được giao đất trước cổng trạm y tế xã Q là do bà được mua theo quyết định số 119/QĐ-ĐĐ ngày 15/11/1990 với diện tích thửa đất thể hiện trong quyết định là 140 m² tại thửa số 67, tờ bản đồ số 04 xã Q. Người khởi kiện cung cấp bản trích lục bản đồ thể hiện tờ bản đồ số 24, tỷ lệ 1/1000 đo vẽ

năm 2011 của Trung tâm công nghệ thông tin Sở tài nguyên và môi trường trích lục 05/8/2019 trên hình thể thể hiện chữ ONT thửa 07 tổng diện tích 122,4 m². Tuy nhiên bản trích lục trên không thể hiện ngày tháng; có nhiều cạnh khác nhau không trùng khớp với biên bản xác định ranh giới, mốc giới do UBND xã và phòng địa chính huyện lập ngày 05/7/2003 (diện tích 58,56m²) và không thể hiện toàn bộ diện tích đất đó là của ai. Năm 2003, thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho trạm y tế xã Q (cấp giấy chứng nhận cho tổ chức), UBND xã đã kết hợp với phòng địa chính huyện Thanh Miện tiến hành lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất của trạm y tế xã vẽ hình thể các hộ giáp ranh đang sử dụng. Việc thể hiện hình thể của hộ bà Nguyễn Thị T chỉ là thể hiện thực tế sử dụng của hộ bà T chứ không phải là căn cứ xác lập quyền của bà T đối với thửa đất trên. Tuy nhiên trong vụ án này, không xem xét đến việc xác định quyền sử dụng đất là của ai. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết, người khởi kiện có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Trên thực tế, khi phát hiện nhà bà T xây dựng nhà trên diện tích đất mà chưa được pháp luật công nhận, diện tích đất nằm trong chỉ giới giao thông, UBND xã đã họp và phân công mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đến vận động thuyết phục. Tuy nhiên, bà T không chấp hành, UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính, chủ tịch UBND xã Q tiếp tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đưa toàn bộ vật liệu xây dựng ra ngoài, yêu cầu máy xúc dừng việc đào móng... phù hợp với quy định tại điểm a khoản 12 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. HĐXX xác định hành vi của UBND xã thực hiện nhằm ngăn chặn, tránh việc vi phạm tiếp tục xảy ra. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về nội dung này là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bà T. Nếu bà T cho rằng diện tích đất trên là của bà có tranh chấp thì khởi kiện đến Tòa án để được giải quyết theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2.5] Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi đe dọa cắt điện, nước và phá hủy đường ống nước, xúc đất không cho ở của UBND xã Q đối bà T trên phần đất bà đang ở trước cổng trạm y tế xã Q. Xét thấy UBND xã Q, chủ tịch UBND xã Q chỉ thực hiện việc vận động để ngăn chặn (vận động thợ máy xúc, thợ xây do bà T thuê không thực hiện việc xây dựng, vận chuyển vật liệu xây dựng đang tập kết trên đất do UBND xã Q quản lý ra chỗ khác) nên không có căn cứ cho rằng UBND xã làm vỡ đường ống nước sinh hoạt của bà T. Về hành vi đe dọa việc cắt điện, do gia đình bà T sinh sống trên đất hàng lang giao thông, UBND xã đã nhiều lần nhắc nhở và giải tỏa nhưng cố tình không thực hiện, Hợp tác xã dịch vụ điện đã ra 02 thông báo tạm ngừng cung cấp điện và chính bà T cũng ký cam

kết trong thời hạn 12 tháng nếu không có quyền sử dụng đất tại thửa đất trước công trạm y tế xã Q sẽ di dời ra chỗ khác. Thực tế UBND xã Q chưa thực hiện việc cắt điện, cắt nước nên cấp sơ thẩm không có căn cứ để chấp nhận là phù hợp.

[2.6] Xem xét hành vi của UBND xã xây dựng lán tôn trên diện tích đất tranh chấp.

Xét thấy, trong khi thực hiện việc ngăn chặn vi phạm hành chính, UBND xã Q đã tiến hành dựng lán tôn trên diện tích đất mà bà T cho rằng là của mình. Mặc dù, UBND xã Q xác định việc dựng lán tôn vì lý do bà T phản ứng quyết liệt nếu không nhanh chóng ngăn chặn thì gia đình bà T sẽ xây dựng, đổ móng nhà kiên cố sau này việc xử lý sẽ rất khó khăn và phức tạp. Tuy nhiên, căn cứ Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính về các biện pháp ngăn chặn thì việc dựng lán tôn của UBND xã Q là không chính xác vì diện tích dựng lán tôn đang có tranh chấp là hành lang giao thông. Do đó, khởi kiện của bà T về nội dung này là có căn cứ, hành vi xây dựng lán tôn là trái pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và sửa một phần bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, sau khi dựng lán xong, UBND xã đã nhận thấy việc xây dựng lán trên đất hành lang giao thông là không đúng nên ngày 25/6/2020, UBND xã Q đã tự nguyện tháo dỡ toàn bộ phần lán bắn tôn ra khỏi chỉ giới hành lang giao thông trả lại mặt bằng cho hành lang giao thông trước công trạm y tế xã. Do đó, hành vi dựng lán tôn đã chấm dứt nên không cần buộc UBND xã phải thực hiện.

Đối với yêu cầu đưa bà D là mẹ đẻ bà T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy tài sản đất đai là của bà T, các yêu cầu khởi kiện chỉ liên quan đến bà T, việc giải quyết của Tòa án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Ngày 09/10/2018, UBND xã Q ra ngăn chặn hành vi xây dựng trái phép của bà T thì bà D có ra chống đối. UBND xã đã đưa bà D vào trạm y tế xã để thực hiện việc ngăn chặn, xây dựng lán tôn. Bà D không bị thiệt hại về sức khỏe, tinh thần, tài sản...nên không cần thiết phải đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về án phí: HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND xã Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Do kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 140, 143 Luật đất đai năm 2003, Điều 157, 208 Luật đất đai năm 2013; Điều 28, 38, 58, khoản 1 Điều 66, Điều 68, Điều 74, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 31 Luật tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 9 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 12 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về những nội dung:

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu:

- Tuyên bố các hành vi cưỡng chế không cho xây dựng nhà;
- Đe dọa cắt điện, nước, phá hủy đường ống dẫn nước, thúc giục không cho ở trên phần đất trước cổng trạm y tế xã;

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: Hủy Biên bản vi phạm hành chính, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của chủ tịch UBND xã Q do thời hiệu yêu cầu khởi kiện đã hết.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về nội dung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, tuyên bố hành vi của UBND xã Q xây dựng lán tôn trên phần đất bà Nguyễn Thị T đang ở trước cổng trạm y tế xã Q là hành vi trái pháp luật. Buộc UBND xã Q, huyện M chấm dứt hành vi dựng lán trái pháp luật. (UBND xã Q đã chấm dứt hành vi và tự nguyện tháo dỡ lán tôn xong trước khi xét xử sơ thẩm nên không phải thi hành).

3. Về án phí: Sửa phần án phí tại bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm nên được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003001 ngày 27/9/2019 và biên lai số AA/2017/0003173 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện. Buộc UBND xã Q phải chịu tiền án phí hành

chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Miện;
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa HC.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn